

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
 TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục XV**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN PHƯỚC SƠN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND  
 ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Tên đơn vị hành chính/ Loại đất nông nghiệp	Vị trí/Đơn giá			
		1	2	3	4
<b>1</b>	<b>Thị trấn Khâm Đức</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	12,000	10,000	8,000	6000
	Đất trồng cây lâu năm	9,000	8,000	7,000	6000
	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>2</b>	<b>Phước Hiệp</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	10,000	8,000	6,000	-
	Đất trồng cây lâu năm	8,000	7,000	6,000	-
	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>3</b>	<b>Xã Phước Hòa</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	10,000	8,000	6,000	-
	Đất trồng cây lâu năm	8,000	7,000	6,000	-

	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>4</b>	<b>Xã Phước Xuân</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	10,000	8,000	6,000	-
	Đất trồng cây lâu năm	8,000	7,000	6,000	-
	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>5</b>	<b>Xã Phước Đức</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	10,000	8,000	6,000	-
	Đất trồng cây lâu năm	8,000	7,000	6,000	-
	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>6</b>	<b>Xã Phước Năng</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	10,000	8,000	6,000	-
	Đất trồng cây lâu năm	8,000	7,000	6,000	-
	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>7</b>	<b>Xã Phước Mỹ</b>				
	Đất trồng lúa nước	15,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	8,000	6,000	-	-
	Đất trồng cây lâu năm	7,000	6,000	-	-

	Đất rừng sản xuất	7,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	12,000	-	-	-
<b>8</b>	<b>Xã Phước Công</b>				
	Đất trồng lúa nước	12,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	8,000	6,000	-	-
	Đất trồng cây lâu năm	7,000	6,000	-	-
	Đất rừng sản xuất	6,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	10,000	-	-	-
<b>9</b>	<b>Xã Phước Chánh</b>				
	Đất trồng lúa nước	12,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	8,000	6,000	-	-
	Đất trồng cây lâu năm	7,000	6,000	-	-
	Đất rừng sản xuất	6,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	10,000	-	-	-
<b>10</b>	<b>Xã Phước Kim</b>				
	Đất trồng lúa nước	12,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	6,000	-	-	-
	Đất trồng cây lâu năm	6,000	-	-	-
	Đất rừng sản xuất	6,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	10,000	-	-	-
<b>11</b>	<b>Xã Phước Thành</b>				
	Đất trồng lúa nước	12,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	6,000	-	-	-
	Đất trồng cây lâu năm	6,000	-	-	-

	Đất rừng sản xuất	6,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	10,000	-	-	-
<b>12</b>	<b>Xã Phước Lộc</b>				
	Đất trồng lúa nước	12,000	-	-	-
	Đất trồng cây hằng năm còn lại	6,000	-	-	-
	Đất trồng cây lâu năm	6,000	-	-	-
	Đất rừng sản xuất	6,000	-	-	-
	Đất nuôi trồng thủy sản	10,000	-	-	-

DiaOcOnline.vn

## II. ĐẤT Ở NÔNG THÔN

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Tên đơn vị hành chính/ranh giới đất	Khu vực	Vị trí	Đơn giá 2012
<b>1</b>	<b>Xã Phước Hiệp:</b>			
	<b>Đất 2 bên đường Quốc lộ 14E:</b>			
	Đoạn từ giao điểm ngã ba đường vào UBND xã với QL 14E (Nhà ông Hợi) đến giao điểm ngã ba cuối trung tâm xã. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>150.000</b>
	Đoạn từ nhà ông Hợi đến giáp cầu Sông Trường. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>70.000</b>
	Đoạn từ cầu Sông Trường đến giáp Cầu Mò O. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	3	<b>50.000</b>
	<b>Đất dọc theo trục đường chính ở trung tâm xã. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.</b>	2	1	<b>70.000</b>
	<b>Đất ở các vị trí khác còn lại của các thôn 1, 4, 8, 9</b>	3	2	<b>40.000</b>
	<b>Đất ở các khu vực khác còn lại của xã</b>	3	3	<b>25.000</b>
<b>2.</b>	<b>Xã Phước Hòa</b>			
	<b>Đất 2 bên đường Quốc lộ 14E:</b>			
	Đoạn từ Đập chính của Nhà máy thủy điện ĐăkMi 4 đến đường vào khu vực Nhà máy thủy điện ĐăkMi 4. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	3	<b>40.000</b>
	Đoạn từ đường vào khu vực Nhà máy thủy điện ĐăkMi 4 đến đập thủy điện ĐăkMi 4b (cuối thôn 5). Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>60.000</b>
	Đoạn từ đập thủy điện ĐăkMi 4b đến giáp xã Phước Hiệp. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>50.000</b>
	<b>Đất ở các khu vực khác còn lại của xã:</b>	2	2	<b>25.000</b>
<b>3.</b>	<b>Xã Phước Xuân</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường Quốc lộ Hồ Chí Minh:</b>			

	Đoạn từ cầu 31 đến Cầu Km 294+229 (Nhà điều hành BQL thủy điện ĐăkMi4). Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên..	1	3	<b>50.000</b>
	Đoạn từ Ngã ba Làng hội (trên nhà bà Sở) đến Cầu Km 269+293. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>85.000</b>
	<b>Đất dọc 2 bên đường Quốc lộ 14E:</b>			
	Đoạn từ Ngã ba Làng hội đến giáp Đập chính Nhà máy thủy điện ĐăkMi 4. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	2	1	<b>170.000</b>
	<b>Đất ở các khu vực khác còn lại của xã:</b>	3	1	<b>25.000</b>
<b>4</b>	<b>Xã Phước Đức</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường Quốc lộ Hồ Chí Minh:</b>			
	Đoạn từ Dốc ĐăkSa đến Nhà ông Mé. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>170.000</b>
	Đoạn từ Nhà ông Mé đến Dốc Cổng trời. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>85.000</b>
	Các vị trí khác còn lại.	1	3	<b>40.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại</b>			
	Đường vào Công ty vàng Phước Sơn. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	2	1	<b>40.000</b>
	Đất các vị trí còn lại của các thôn 1, 2, 3, 4	2	2	<b>25.000</b>
<b>5</b>	<b>Xã Phước Năng</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường Quốc lộ Hồ Chí Minh:</b>			
	Đoạn từ thôn 1 đến thôn 4. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>40.000</b>
	Đất dọc 2 bên các tuyến đường Trung tâm xã			
	Dọc các tuyến đường nội bộ. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	2	1	<b>30.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại</b>	2	2	<b>25.000</b>
<b>6</b>	<b>Xã Phước Mỹ</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường Quốc lộ Hồ Chí Minh:</b>			

	Đoạn từ thôn CàTôì đến khu dân cư Làng Mùng. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>40.000</b>
	Đoạn từ đầu khu dân cư Xà Ê đến hết khu dân cư Long Viên. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>25.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại</b>	2	1	<b>15.000</b>
<b>7</b>	<b>Xã Phước Chánh</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường Huyện Lộ (ĐH):</b>			
	Đoạn từ Cầu Nước Non nhỏ đến Cầu Nước Non lớn. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>35.000</b>
	Đoạn từ thôn 1 đến giáp Cầu Nước Non nhỏ. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>20.000</b>
	Đoạn từ Cầu Nước Non lớn đến giáp xã Phước Công. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	2	<b>20.000</b>
	<b>Khu vực trung tâm xã</b>			
	Đất có mặt tiền trên các đường nội bộ trung tâm xã. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	2	1	<b>20.000</b>
	Các vị trí khác còn lại	2	2	<b>15.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại trên địa bàn xã</b>	3	1	<b>12.000</b>
<b>8</b>	<b>Xã Phước Công</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường Huyện lộ (ĐH):</b>			
	Đoạn từ Dốc Xà Ca đến chân dốc khu dân cư thôn 3. Diện tích giới hạn khoảng cách 25m, tính từ mốc GPMB đường vào sâu mỗi bên.	1	1	<b>20.000</b>
	Các vị trí khác còn lại	1	2	<b>15.000</b>
	<b>Đất các khu vực còn lại</b>	2	1	<b>12.000</b>
<b>9</b>	<b>Xã Phước Thành</b>			
	<b>Đất dọc 2 bên đường huyện lộ (ĐH)</b>			
	Đoạn từ UBND xã đến đường tắt vào đầu dốc thôn 1b. Giới hạn từ mép ngoài lề đường vào sâu mỗi bên 10m.	1	1	<b>25.000</b>
	Các vị trí khác còn lại của khu trung tâm	1	2	<b>15.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại</b>	2	1	<b>12.000</b>
<b>10</b>	<b>Xã Phước Kim + xã Phước Lộc</b>			

	<b>Đất dọc 2 bên đường Huyện lộ (ĐH). Giới hạn từ mép ngoài lề đường vào sâu mỗi bên 10 m.</b>	1	1	<b>15.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại</b>	2	1	<b>12.000</b>
	<b>Đất các khu vực khác còn lại</b>	2	1	<b>12,000</b>

DiaOcOnline.vn



### III. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

*ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đường phố/Ranh giới các đoạn đường phố	Loại đường	Vị trí	Đơn giá 2012
<b>1</b>	<b>Đường Hồ Chí Minh: Đoạn nội thị</b>			
	- Đất có mặt tiền đoạn từ Tượng đài chiến thắng Khâm Đức đến hết nhà ông Đặng Quang Phi, cắt ngang qua đường Đỗ Đăng Tuyển. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Đỗ Đăng Tuyển đến ngã ba đường bê tông vào khối 1 (cạnh nhà ông Biên). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ nhà ông Biên đến giáp ranh giới xã Phước Đức. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>2</b>	<b>Đường Phạm Văn Đồng</b>			
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp Đường 12 tháng 5. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	4	1	<b>450.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường 12 tháng 5 đến nhà ông Tuấn thuê cắt ngang qua đường vào Trụ sở UBND Thị trấn. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	2	1	<b>900.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn đường từ Nhà ông Mười (giáp với đường vào Trụ sở UBND Thị trấn) đến giáp đường Quang Trung. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	1	1	<b>1.200.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Quang Trung đến đường Huỳnh Thúc Kháng. Tính từ mép ngoài lề đường vào sâu 25m.	2	1	<b>900.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Huỳnh Thúc Kháng đến giáp đường Nguyễn Văn Linh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m	4	1	<b>450.000</b>
<b>3</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Linh</b>			
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường 12 tháng 5. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m	4	1	<b>450.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường 12 tháng 5 đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng (đường vào khu Hồ cạn). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	4	1	<b>450.000</b>

	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến giáp đường Hoàng Diệu. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	3	1	<b>650.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Hoàng Diệu đến giáp đường Quang Trung. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	1	1	<b>1.200.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Quang Trung đến giáp đường Lý Thường Kiệt. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	3	1	<b>650.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Lý Thường Kiệt đến giáp đường giáp Phạm Văn Đồng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	4	1	<b>450.000</b>
<b>4</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh.</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Quang Trung . Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
<b>5</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Trỗi</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Lý Thái Tổ. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>6</b>	<b>Đường Đinh Núp</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường 12 tháng 5. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>7</b>	<b>Đường Phan Thanh</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường 12 tháng 5. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>8</b>	<b>Đường Phan Đình Phùng</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Nguyễn Văn Linh đến giáp đường Phạm Văn Đồng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>9</b>	<b>Đường Lý Thái Tổ</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Nguyễn Văn Linh đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>10</b>	<b>Đường 12 tháng 5</b>			
	+ Đất có mặt tiền giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến giáp đường Nguyễn Văn Linh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>

	+ Đất có mặt tiền (từ nhà ông Tư Nhanh đến giáp trường mẫu giáo Sơn Ca). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>11</b>	<b>Đường Phan Châu Trinh</b>			
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
	- Đất có mặt tiền đoạn từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến giáp đường Phạm Văn Đồng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m..	5	1	<b>300.000</b>
<b>12</b>	<b>Đường Hoàng Diệu:</b>			
	+ Đất có mặt tiền đoạn giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Văn Linh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m..	1	1	<b>1.200.000</b>
<b>13</b>	<b>Đường Quang Trung</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến giáp đường Phạm Văn Đồng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Văn Linh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	1	1	<b>1.200.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Nguyễn Văn Linh đến Công ty TNHH Trường Sơn. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
<b>14</b>	<b>Đường Huỳnh Thúc Kháng</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Lê Quý Đôn (Trạm biến áp T6). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Hồ Chí Minh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>15</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>			
	- Đất có mặt tiền giáp (trạm biến áp T6) đường Huỳnh Thúc Kháng đến giáp trường PTCS Lý Tự Trọng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>16</b>	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Văn Linh. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
<b>17</b>	<b>Đường Triệu Nữ Vương</b>			

	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Quang Trung đến giáp đường Lý Thường Kiệt. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	5	1	<b>300.000</b>
<b>18</b>	<b>Đường Lê Hữu Trác</b>			
	- Đất có mặt tiền giáp đầu đường Nguyễn Văn Linh đến giáp đường Lê Đình Dương. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>19</b>	<b>Đường Nguyễn Duy Hiệu</b>			
	- Đất có mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh đến trạm biến áp 35KV. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>20</b>	<b>Đường Lê Đình Dương</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Nguyễn Duy Hiệu đến giáp nhà bà Thủy khối 6. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>21</b>	<b>Đường Đinh Tiên Hoàng</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Nguyễn Văn Linh đến nhà bà Sáu (Hồng). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>22</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến giáp Đường Bao thị trấn. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
	- Đất có mặt tiền đường Nhánh từ Đường Nguyễn Trãi nối dài đến đường bao. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>23</b>	<b>Đường bao</b>			
	- Đất có mặt tiền từ Lô đất ông Tường Liên (Hò Cạn) đến Công ty TNHH Trường Sơn. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>24</b>	<b>Đường Trần Cao Vân</b>			
	- Đất có mặt tiền từ đường Hồ Chí Minh đến giáp Hồ C7. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>25</b>	<b>Đường Trần Quốc Toản</b>			
	- Đất có mặt tiền (từ nhà bà Ngoan đến giáp khách sạn bé Châu Giang). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>26</b>	<b>Đường Đỗ Đăng Tuyển</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Hồ Chí Minh đến hết đường. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>

<b>27</b>	<b>Đường Trần Thị Lý</b>			
	- Đất có mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh đến Trụ sở Đài Truyền Thanh phát lại Truyền hình huyện. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
<b>28</b>	<b>Đường Mai Hắc Đế</b>			
	- Đất có mặt tiền từ giáp đường Quang Trung đến giáp Đường Huỳnh Thúc Kháng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
	- Đất có mặt tiền giáp Đường Huỳnh Thúc Kháng đến cụm Công nghiệp phía Tây Nam đến Trường Lý Tự trọng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
<b>29</b>	<b>Đường bê tông:</b>			
	- Đất có mặt tiền từ đường Nguyễn Duy Hiệu đến giáp đường Lê Hữu Trác. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường Phan Châu Trinh giáp đường Quang Trung. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường Quang Trung giáp đường Huỳnh Thúc Kháng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	7	1	<b>150.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ nhà ông Tân Mỹ (Lê Hữu Trác) đến giáp nhà ông Dũng sau bệnh viện. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	8	1	<b>100.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường 12 tháng 5 từ sau Hạt Quản lý đường bộ đến nhà bà Hạng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	8	1	<b>100.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường Phạm Văn Đồng từ sau nhà Mười bánh mì đến nhà ông Lợi. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường Phan Chu Trinh từ ngoài đường vào đến sau nhà ông Dũng dân số. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	8	1	<b>100.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường Nguyễn Văn Linh từ sau nhà Lê Sỹ đi vào . Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	6	1	<b>200.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Hồ Chí Minh (khối 3). Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	8	1	<b>100.000</b>
<b>30</b>	<b>Đường đất:</b>			

	+ Đất có mặt tiền Trường Mẫu giáo Sơn Ca đến trạm biến thế 35kv. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	8	1	<b>100.000</b>
	- Đất có mặt tiền từ Trạm biến áp 35Kv đến nhà ông Nguyễn Văn Trọng. Tính từ mốc lộ giới đường vào sâu mỗi bên 25m.	9	1	<b>80.000</b>
<b>31</b>	<b>Các đường kiệt, đường xóm còn lại trong nội, ngoại thị.</b>			
	- Đất ở có mặt tiền các đường kiệt, đường xóm chưa được chỉnh trang nâng cấp, trong các khu dân cư nội, ngoại thị .	9	1	<b>80.000</b>

DiaOcOnline.vn